

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2020/DS-PT**

Ngày 16/12/ 2020

*“Tranh chấp đòi lại tài sản”.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Tấn Trường**
- Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Xuân Điền** và ông **Trần Quốc Cường**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thoa**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham dự phiên toà: Ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 20/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc *“Tranh chấp đòi lại tài sản”*; do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 328/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Võ Ngọc H và bà Phạm Thị L. Địa chỉ: Australia. *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thanh H1; địa chỉ: Lô 22 đường L1, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

*Bị đơn:* Bà Võ Thị S; địa chỉ: Thôn L2, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Võ Văn V; địa chỉ: Thôn L2, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cụ Nguyễn Thị Q1 (chết ngày 10/3/2012)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:*

- Ông Võ Ngọc H; địa chỉ: Australia (vắng mặt).

- Bà Võ Thị Q2; địa chỉ: Thôn L2, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.  
*Người đại diện hợp pháp của bà Q2:* Ông Võ Văn V; địa chỉ: Thôn L2, xã N, Thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Bà Võ Thị G; địa chỉ: SA 5107 Australia (vắng mặt)

2. Ông Võ Văn V; địa chỉ: Thôn L2, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

3. Anh Võ Văn D; địa chỉ: Thôn L2, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

Do có kháng cáo của của bà Bùi Thị Thanh H1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Ngọc H và bà Phạm Thị L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2007, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13 tháng 11 năm 2007 và lời khai ông Võ Ngọc H, bà Phạm Thị L trình bày:* Ông, bà sang Úc định cư, có dành dụm tiền gửi về nước nhờ bà Võ Thị S là em gái ông L, xây nhà trên đất của mẹ ruột là cụ Nguyễn Thị Q1 cho tại thôn L2, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định để về già vợ chồng ông bà về ở. Từ năm 2003 đến năm 2006 ông bà đã gửi về cho bà S tổng cộng 39.425 Đô la Úc, tương đương 591.375.000 đồng. Ngoài ra, ông, bà có đưa trực tiếp cho bà S số tiền 26.000.000 đồng để xây mồ mả và gửi tiền về để nuôi cụ Q1 số tiền riêng, không nằm trong số tiền trên. Biết vợ chồng bà S có ý định muốn chiếm ngôi nhà trên và cụ Q1 đã viết giấy cho ngôi nhà này cho vợ chồng bà S nên ông bà yêu cầu bà S trả lại số tiền đã nhận để xây nhà là 39.425 Đô la Úc, tương đương 591.375.000 đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà L là bà Bùi Thị Thanh H1 trình bày:* Từ năm 2003 đến năm 2006, ông Võ Ngọc H và vợ là bà Phạm Thị L có gửi về cho bà Võ Thị S nhiều lần, tổng cộng 39.425 Đô la Úc, tương đương 591.375.000 đồng, mục đích là nhờ bà S xây nhà trên đất của cụ Nguyễn Thị Q1 cho tại thôn L2, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, để về già ông bà về ở. Nay vợ chồng ông L yêu cầu bà S trả lại số tiền trên.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn - bà Võ Sinh trình bày:* Bà ở với cụ Q1 từ nhỏ, sau khi kết hôn vợ chồng bà ở chung với cụ Q1. Ông L bà L gửi tiền về cho mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Q1, vì cụ Q1 già yếu đi lại khó khăn nên bà đi nhận hộ và về đưa lại cho cụ. Tổng số tiền bà nhận và đưa lại cho cụ Q1 là 39.425 Đô la Úc. Cụ Q1 đã sử dụng số tiền trên như sau: Đưa lại cho vợ chồng bà: 20.000 đô la Úc, tương đương với 240.000.000 đồng và vợ chồng bà bỏ thêm vào 40.000.000 đồng để xây dựng ngôi nhà tại thôn L2, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, 2.000 Đô la Úc để xây mồ mả cho ông bà, 8.000 Đô la Úc là cho anh em họ hàng, còn lại 9.425 Đô la Úc bà Q1 chi tiêu cá nhân, ăn uống, chữa bệnh. Vợ chồng bà chỉ nhận hộ tiền và đưa hết cho cụ Q1, nên bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của vợ chồng ông L bà L.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Văn V trình bày: Ông thống nhất như trình bày của vợ là bà Võ Thị S.

- Bà Võ Thị Q2 trình bày: Bà là chị ruột ông Võ Ngọc H, bà Võ Thị S và là chị chồng bà Phạm Thị L. Năm 1971 mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Q1 và các con đi tản cư ở thành phố Hồ Chí Minh về tự lấn chiếm đất công, xây dựng nhà để ở, nên không có giấy tờ gì. Năm 2005, vợ chồng ông Võ Ngọc H gửi tiền về cho mẹ bà xây dựng lại ngôi nhà để ở, sau khi bà mất thì vợ chồng, con cái bà S ở để thờ cúng ông bà. Do mẹ bà già yếu, nên người trực tiếp đi nhận tiền là bà Võ Thị S, bà S đi nhận và giao lại cho mẹ bà, còn cụ thể việc vợ chồng ông L gửi cho mẹ bà bao nhiêu lần, bao nhiêu tiền thì bà không biết. Vì mẹ bà già yếu, nên khi xây nhà, mẹ giao cho bà S lo liệu toàn bộ và mẹ đưa cho bà S bao nhiêu tiền để xây nhà bà cũng không biết. Vợ chồng ông L bà L gửi tiền về cho mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Q1, do bà Q1 già yếu, đi lại khó khăn nên bà S là người trực tiếp đi nhận tiền dùm và giao tiền lại cho bà Q1, chứ không phải vợ chồng ông L gửi tiền cho bà S. Ngoài việc vợ chồng ông L gửi tiền cho mẹ bà xây nhà, còn có gửi tiền cho mẹ bà đưa bà S xây mồ mả, cho con cháu trong dòng họ nữa, nhưng gửi bao nhiêu, thời gian nào bà không nhớ. Mẹ bà đã lập di chúc cho nhà, đất cho con của vợ chồng bà S là Võ Văn D được quyền sở hữu nhà, sử dụng đất để sau này thờ cúng ông bà, việc này bà không có ý kiến hay tranh chấp gì.

- Anh Võ Văn D trình bày: Anh là con ruột của bà Võ Thị S, ông Võ Văn V, là cháu gọi cụ Nguyễn Thị Q1 là bà ngoại, gọi ông Võ Ngọc H là cậu ruột. Từ khi còn nhỏ, anh và gia đình anh đã ở chung với cụ Q1 tại ngôi nhà tọa lạc tại L2, N, thành phố Q. Anh không biết nguồn gốc ngôi nhà này, nhưng khi bà ngoại anh còn sống có kể lại với anh là vợ chồng cậu H mợ L có gửi tiền về để xây nhà cho ngoại ở. Nhưng gửi bao nhiêu tiền, thời gian nào anh không biết, ai là người trực tiếp đứng ra xây nhà, chi phí xây bao nhiêu anh không biết. Nay vợ chồng cậu H yêu cầu cha mẹ anh trả nhà, đất tại L2, N, thành phố Q cho vợ chồng cậu, anh không đồng ý vì ngày 18/01/2011 bà ngoại đã lập di chúc cho anh được sở hữu nhà và quyền sử dụng đất.

- Bà Võ Thị G: Tòa đã thực hiện việc Ủy thác tư pháp, nhưng không lấy được lời khai.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:***

Căn cứ khoản 1 Điều 37, Điều 104, khoản 1 Điều 153 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Võ Ngọc H bà Phạm Thị L yêu cầu bà Võ Thị S hoàn trả lại 591.375.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 03/9/2020 bà Bùi Thị Thanh H1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Ngọc H và bà Phạm Thị L gửi đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Đại diện nguyên đơn rút một phần nội dung khởi kiện và kháng cáo là trước đây nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà S phải hoàn trả lại 39.425 Đô la Úc, nhưng nay nguyên đơn chấp nhận trong đó có 20.000 Đô la Úc bà S đã làm nhà, nên nay chỉ khởi kiện và kháng cáo yêu cầu bà S phải hoàn trả lại 19.425 Đô la Úc mà bà S còn cất giữ. Đại diện bị đơn không chấp nhận việc rút một phần đơn khởi kiện và không chấp nhận kháng cáo của đại diện nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung, đề nghị HĐXX không chấp nhận việc rút một phần đơn khởi kiện của đại diện nguyên đơn, đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo mà nguyên đơn đã rút một phần đơn kháng cáo; đối với phần kháng cáo còn lại của nguyên đơn là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; theo đề nghị của những đương sự có mặt và Kiểm sát viên, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Vợ chồng ông Võ Ngọc H và bà Phạm Thị L đang định cư ở Úc là anh ruột của bà Võ Thị S; từ năm 2003 đến năm 2005 vợ chồng ông L đã gửi tiền nhiều lần cho bà Võ Thị S với tổng số tiền là 39.425 AUD ( Australian Dollar), cụ thể: Năm 2003, gửi 14.400 AUD để bà S mua vật liệu xây dựng; năm 2004 gửi 20.275 AUD để bà S tiếp tục mua sắm vật liệu và bắt đầu xây dựng nhà; năm 2005 gửi 1.700 AUD và năm 2006 gửi 3.150AUD để bà S mua đồ dùng trong nhà. Nếu quy thành tiền Việt Nam vào thời điểm đó khoảng 591.375.000 đồng (01 AUD = 15.000 VNĐ), còn nay tương đương 684.339.150 đồng, theo tỷ giá hối đoái niêm yết ngày hôm nay (16/12/2020) hiện tại trên thị trường đô la Úc (AUD) giao động từ 17.358 VNĐ/AUD. Theo ông L, bà L thì toàn bộ số tiền này vợ chồng ông bà gửi về cho bà S để bà S xây dựng nhà giúp ông bà trên đất do mẹ là Nguyễn Thị Q1 cho tại thôn L2, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định để khi về già ông bà về ở và lo hương khói cho cha mẹ, ông bà, tổ tiên, vì ông L là con trai trưởng. Bà S đã nhận đủ số

tiền trên và tiến hành xây dựng nhà cấp 3 có khắc tên vợ chồng ông bà tức “ **H – L**” trước ngôi nhà, để xác định ngôi nhà này do vợ chồng ông L bà L xây dựng.

[3] Việc ông L bà L gửi tiền về Việt Nam có đầy đủ các chứng từ hồ sơ thể hiện người trực tiếp nhận tiền là bà Võ Thị S, bà S cũng thừa nhận đã nhận số tiền do vợ chồng ông L gửi về tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải tại UBND xã N lập và tại biên bản đối chất ngày 29/2/2008. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2007 bà S nêu rõ: “ *tôi nhận tiền và xây lại nhà cấp 3 tại thôn L2, xã Nhơn, Thành phố Q, Bình Định. với số tiền gửi về cho tôi xây nhà cấp 3 nêu trên là tiền của vợ chồng ông Võ Hiền Ng – Sinh năm: 1959, tên thường gọi là ông Võ Ngọc H và vợ là Phạm Thị L*”. Tại biên bản hòa giải không thành ngày 05/11/2007 bà S thừa nhận “ *tôi đã nhận tiền đó để xây dựng nhà cấp 3 nêu trên với tổng số tiền là 20.000 AUD. Ngoài số tiền đó ra thì vợ chồng tôi không có đóng góp đồng nào vào việc xây nhà*”. Như vậy bà S thừa nhận có nhận tiền do vợ chồng ông L gửi về nhưng bà S khai không có sự thống nhất, lúc thì khai đưa cho mẹ là bà Q1 sau đó bà Q1 cho bà một số tiền để xây nhà, có lúc khai sử dụng tiền để xây mồ mã, nuôi mẹ và cho một số họ hàng theo ý kiến của ông L. Tuy nhiên, vợ chồng ông L khẳng định gửi tiền về để làm nhà; còn xây mồ mã là khoản tiền khác không liên quan đến khoản tiền gửi về cho bà S. Nếu gửi về cho họ hàng thì ông đã gửi trực tiếp cho người đó, như gửi cho bà Võ Thị Q2, gửi cho cháu Nga... các khoản gửi về cho mẹ và cho họ hàng thì ông L không tranh chấp. Lời khai của một số người làm chứng, cũng là những người họ hàng của ông L, bà S như ông Võ Ngọc T1, Võ Ngọc Th, Đoàn Thanh H2 đều xác nhận năm 2005 vợ chồng ông L về nước, họp gia đình và giao cho bà S 2.200 AUD tương đương với 26.000.000 VNĐ là tiền xây mồ mã. Bà S cho rằng ông L gửi tiền về cho bà Q1, bà Q1 cho vợ chồng bà một ít để làm nhà, việc này không được ông L bà L công nhận. Lời khai của bà Q1 ngày 21/5/2008 (Bút lục 89) thể hiện từ năm 2003 đến 2007 ông L gửi tiền về cho tôi nhiều lần nhưng cụ thể bao nhiêu tôi không nhớ rõ, đối với khoảng 40.000 đô úc là do con gái tôi Võ Thị S tính toán gộp lại làm bản tường trình và cho tôi điểm chỉ ngày 28.4.2008 (Bút lục 66). Như vậy việc bà S nhận số tiền 39.425 AUD là có thật, đồng thời bà S đã dùng 20.000 AUD xây dựng nhà ở theo yêu cầu của ông L; do vậy tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ông L đòi lại số tiền mà bà S đã chi phí cho việc làm nhà là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và kháng cáo đối với số tiền 20.000 AUD mà bà S đã xây nhà, giữ lại một phần đơn khởi kiện và kháng cáo đối với số tiền 19.425AUD mà bà S còn cất giữ, HĐXX thấy rằng: Việc rút yêu cầu khởi kiện và kháng cáo là quyền tự định đoạt của đương sự trong bất cứ giai đoạn tố tụng nào. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay đại diện bị đơn đã không chấp nhận việc rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn, do vậy HĐXX không chấp nhận việc rút một phần đơn khởi kiện của đại diện

nguyên đơn; đối với việc rút một phần đơn kháng cáo như trên của đại diện nguyên đơn, được chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của đại diện nguyên đơn về số tiền 19.425 AUD; HĐXX thấy rằng: Đối với số tiền còn lại sau khi chi phí cho việc làm nhà theo yêu cầu của ông L bà L, bà S đã tự ý chi phí cho một số người trong dòng họ mà không có sự đồng ý của vợ chồng ông L bà L thì bà S tự chịu trách nhiệm. Như vậy số tiền còn lại là 19.425 AUD bà S không chứng minh được thì bà có nghĩa vụ trả lại cho ông L bà L. Còn việc bà S cho rằng 19.425 AUD mà H – L gửi về mục đích là để cho những người họ hàng nhưng bà S không có giấy tờ gì thể hiện việc ông L nhờ bà cho họ hàng. Trên thực tế, ông L bà L muốn gửi tiền về cho những người khác thì sẽ gửi đích danh cho người đó chứ không gửi thông qua bà S như gửi cho bà Võ Thị Q2, gửi cho cháu Nga... điều này phù hợp với lời khai của một số người làm chứng, cũng là những người họ hàng của ông L, bà S như ông Võ Ngọc T1, ông Võ Ngọc Th, ông Đoàn Thanh H2.

[6] Từ những phân tích và nhận định trên đây, HĐXX xét thấy việc kháng cáo một phần của bà Bùi Thị Thanh H1 là có cơ sở, HĐXX chấp nhận kháng cáo; chấp nhận một phần khởi kiện xử sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bà S, ông V trả lại cho ông L bà L 19.425 AUD tương đương với tiền Việt Nam là 337.179.150đ (19.425 x 17.358). Ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa có phần không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

[7] Do kháng cáo của đại diện nguyên đơn được chấp nhận nên đại diện nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 298, Điều 299, khoản 2, 5 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

**1/** Chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Thanh H1, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Căn cứ khoản 1 Điều 37, Điều 104, khoản 1 Điều 153 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Võ Ngọc H bà Phạm Thị L yêu cầu bà Võ Thị S hoàn trả lại 19.425 AUD tương đương 337.179.150 đồng.

Buộc bà Võ Thị S và ông Võ Văn V phải có nghĩa vụ hoàn trả lại 337.179.150 đồng cho ông Võ Ngọc H bà Phạm Thị L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo đối với số tiền 20.000AUD

**2/ Án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Võ Ngọc H bà Phạm Thị L không phải chịu. Hoàn lại cho ông bà 300.000đ do bà Bùi Thị Thanh H1 đã tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số 3877 ngày 10/9/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Định.

**3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/12/2020).

***Nơi nhận:***

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Trường**